



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÁNG 01 NĂM 2025



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.338.423.091.776	8.670.273.697.031
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	811.027.391.399	1.193.754.292.296
Tiền	111		811.027.391.399	1.193.754.292.296
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.221.633.265.825	2.156.059.870.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.221.633.265.825	2.156.059.870.662
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.242.365.214.255	1.984.154.269.933
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.211.559.391.880	1.935.362.770.403
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.341.792.110	28.704.843.056
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	47.367.616.434	45.485.169.483
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(30.903.586.169)	(25.398.513.009)
IV. Hàng tồn kho	140		4.584.590.741.297	3.126.953.454.480
Hàng tồn kho	141	V.6	4.835.991.887.109	3.210.908.157.973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6	(251.401.145.812)	(83.954.703.493)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		478.806.479.000	209.351.809.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	32.029.733.527	24.858.145.106
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	446.756.758.633	184.159.677.855
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	19.986.840	333.986.699



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.600.544.115.619	2.871.809.380.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.524.804.916	10.068.759.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	13.518.369.916	10.062.324.000
II. Tài sản cố định	220		1.942.246.136.936	2.246.802.305.430
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.715.803.984.870	2.040.269.418.990
- Nguyên giá	222		4.558.176.045.474	4.561.487.526.222
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.842.372.060.604)	(2.521.218.107.232)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	103.377.490.380	84.924.011.674
- Nguyên giá	225		137.560.662.212	103.857.802.366
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(34.183.171.832)	(18.933.790.692)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	123.064.661.686	121.608.874.766
- Nguyên giá	228		141.291.673.727	138.275.724.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(18.227.012.041)	(16.666.849.461)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	65.722.024.716	24.010.886.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.621.793.759	19.985.897.068
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.100.230.957	4.024.989.906
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	110.000.000.000	270.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		110.000.000.000	270.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		469.051.149.051	320.287.429.324
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	404.395.240.995	289.794.745.038
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		56.872.498.004	21.836.368.434
Lợi thế thương mại	269	V.12	7.783.410.052	8.656.315.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.938.967.207.395	11.542.083.077.759



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.123.862.004.957	7.922.832.503.399
I. Nợ ngắn hạn	310		9.001.585.506.437	7.879.094.963.528
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.833.266.746.647	1.327.879.469.601
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	60.367.214.283	65.083.404.498
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	225.462.074.067	32.405.621.380
Phải trả người lao động	314		37.039.947.871	34.724.227.615
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.039.866.765	52.132.131.996
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	12.427.083.310	528.724.277.167
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	6.778.798.090.852	5.804.027.377.038
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42.184.482.642	34.118.454.233
II. Nợ dài hạn	330		122.276.498.520	43.737.539.871
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	66.590.834.558	43.737.539.871
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.815.105.202.438	3.619.250.574.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.815.105.202.438	3.619.250.574.360
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.826.339.918.320	1.630.396.692.504
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421A		1.484.481.936.181	1.346.823.566.407
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421B		341.857.982.139	283.573.126.097
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.051.150.163	2.139.747.901
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.938.967.207.395	11.542.083.077.759

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.896.329.743.042	4.630.721.661.676	19.154.277.660.034	17.462.680.329.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		8.256.739.981	10.091.296.315	18.429.005.144	28.102.508.698
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.888.073.003.061	4.620.630.365.361	19.135.848.654.890	17.434.577.820.549
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.704.398.896.032	4.312.095.319.325	17.686.750.643.221	16.305.438.743.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		183.674.107.029	308.535.046.036	1.449.098.011.669	1.129.139.077.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	138.341.972.952	58.926.622.872	435.949.021.441	378.446.661.785
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	92.742.557.015	84.113.565.200	353.542.976.914	371.286.174.582
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.739.002.720	56.681.527.281	242.616.957.479	296.649.131.094
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	191.517.786.685	224.465.877.834	1.027.104.586.587	764.270.241.235
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	41.888.230.647	33.124.668.442	111.461.006.673	63.076.241.647
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(4.132.494.366)	25.757.557.432	392.938.462.936	308.953.081.734
11. Thu nhập khác	31	VI.6	30.701.893.274	1.617.903.279	38.761.593.021	6.851.882.090
12. Chi phí khác	32	VI.6	644.444.884	3.485.185.991	3.629.819.767	9.915.692.482
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		30.057.448.390	(1.867.282.712)	35.131.773.254	(3.063.810.392)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.924.954.024	23.890.274.720	428.070.236.190	305.889.271.342
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	21.857.191.511	11.219.915.895	121.336.981.359	22.506.458.379
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(17.245.370.854)	(6.984.510.168)	(35.036.129.570)	(189.485.140)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.313.133.367	19.654.868.993	341.769.384.401	283.572.298.103
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		21.317.720.497	19.655.696.987	341.857.982.139	283.573.126.097
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.587.130)	(827.994)	(88.597.738)	(827.994)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	428.070.236.190	305.889.271.342
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn	2	349.156.456.461	345.094.844.545
Trích lập các khoản dự phòng	3	172.951.515.479	418.496.286
Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	17.001.518.002	(1.689.630.715)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(223.806.660.841)	(215.172.138.588)
Chi phí lãi vay	6	242.616.957.479	296.649.131.094
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	985.990.022.770	731.189.973.964
Giảm (Tăng) các khoản phải thu	9	458.947.861.176	(868.012.689.633)
Tăng (Giảm) hàng tồn kho	10	(1.630.719.625.827)	137.879.809.521
Tăng các khoản phải trả	11	37.613.940.471	589.196.491.586
Tăng chi phí trả trước	12	(121.772.084.378)	(2.077.165.707)
Tiền lãi vay đã trả	14	(240.512.605.658)	(309.037.265.958)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.705.145.826)	(2.777.705.082)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.157.557.608)	(23.826.872.565)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	(553.315.194.880)	252.534.576.126
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(51.941.223.386)	(44.042.000.277)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	18.276.361.210	34.770.711.209
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(10.794.579.228.649)	(9.655.914.504.385)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	9.889.645.833.486	9.256.854.692.517
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(28.438.198.697)
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	241.670.213.543	217.832.842.712
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	(696.928.043.796)	(218.936.456.921)



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	17.878.425.321.332	16.043.729.188.264
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.856.812.627.044)	(15.569.835.932.860)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(38.146.869.198)	(30.260.987.899)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(116.212.720.350)	(112.921.589.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	867.253.104.740	330.710.677.855
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(382.990.133.936)	364.308.797.060
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.193.754.292.296	829.814.067.681
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	263.233.039	(368.572.445)
Tiền cuối năm	70	811.027.391.399	1.193.754.292.296

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hô Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Mẫu số B09 – DN/HN

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số thuế: 3700255880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.481 người (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 1.458 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có sáu (6) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2025, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Logistics Hưng Việt theo GCNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 9.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	100	100
6. Công Ty TNHH TM Đầu Tư và Xây Dựng Tổng Hợp SBC Miền Trung Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Hậu Đông Phường Điện Nam Trung, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	95	95



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày***II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày***3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày***7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày***12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày****Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	503.754.559	388.543.840
Tiền gửi ngân hàng	810.523.636.840	1.193.365.748.456
Các khoản tương đương tiền	-	-
TỔNG CỘNG	811.027.391.399	1.193.754.292.296

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	599.000.000.000	661.600.000.000
Trái phiếu	2.622.633.265.825	1.494.459.870.662
CỘNG	3.221.633.265.825	2.156.059.870.662
Dài hạn		
Trái phiếu	110.000.000.000	270.640.000.000
CỘNG	110.000.000.000	270.640.000.000
TỔNG CỘNG	3.331.633.265.825	2.426.699.870.662

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Duferco Sa	135.400.512.027	69.690.500.198
Eusider S.P.A.	101.077.644.156	-
Phải thu khách hàng khác	968.654.130.940	1.865.672.270.205
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	6.427.104.757	-
TỔNG CỘNG	1.211.559.391.880	1.935.362.770.403
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(30.903.586.169)	(25.398.513.009)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.180.655.805.711	1.909.964.257.394

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TÔN ĐÔNG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	5.255.725.342	10.070.882.386
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	3.924.391.591	8.072.170.518
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phú	1.414.681.037	-
Nhà cung cấp khác	3.746.994.140	10.561.790.152
CỘNG	14.341.792.110	28.704.843.056
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	14.348.227.110	28.711.278.056

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	11.295.605.400	2.581.751.839
Phải thu chi hộ	189.062.400	6.731.292.198
Lãi dự thu	29.806.028.638	30.669.680.176
Khác	6.076.919.996	5.502.445.270
CỘNG	47.367.616.434	45.485.169.483
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	13.518.369.916	10.062.324.000
CỘNG	13.518.369.916	10.062.324.000
TỔNG CỘNG	60.885.986.350	55.547.493.483



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Thành phẩm	2.221.560.321.859	1.983.952.991.743
Nguyên liệu, vật liệu	1.277.609.695.604	922.148.512.429
Hàng đang đi trên đường	1.285.579.912.304	253.382.518.038
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.522.923.242	46.777.107.322
Công cụ, dụng cụ	3.200.550.074	3.044.918.525
Hàng hoá	1.518.484.026	1.602.109.916
TỔNG CỘNG	4.835.991.887.109	3.210.908.157.973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(251.401.145.812)	(83.954.703.493)
Giá trị thuần	4.584.590.741.297	3.126.953.454.480

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	83.954.703.493	58.097.274.651
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	251.401.145.812	83.954.703.493
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(83.954.703.493)	(58.097.274.651)
Số cuối năm	251.401.145.812	83.954.703.493

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	32.029.733.527	24.858.145.106
Công cụ, dụng cụ đang dùng	18.279.263.444	16.255.283.885
Khác	13.750.470.083	8.602.861.221
Dài hạn	404.395.240.995	289.794.745.038
Tiền thuê đất trả trước (*)	286.977.016.879	199.991.469.097
Công cụ, dụng cụ đang dùng	79.928.271.985	68.156.302.565
Khác	37.489.952.131	21.646.973.376
TỔNG CỘNG	436.424.974.522	314.652.890.144

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	811.580.241.842	3.507.570.686.244	224.482.324.970	17.470.945.353	383.327.813	4.561.487.526.222
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	5.081.188.132	6.045.677.396	963.814.962	669.175.000	-	12.759.855.490
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	7.790.336.695	-	-	7.790.336.695
Thanh lý	(21.305.136.712)	1.105.066.249	(3.661.602.470)	-	-	(23.861.672.933)
Tại ngày 31/12/2024	795.356.293.262	3.514.721.429.889	229.574.874.157	18.140.120.353	383.327.813	4.558.176.045.474
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	32.663.137.306	1.182.555.524.530	46.556.739.043	13.067.985.279	-	1.274.843.386.158
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	249.211.309.932	2.109.071.276.922	147.015.838.899	15.699.403.245	220.278.234	2.521.218.107.232
Khấu hao trong năm	37.704.554.822	265.502.761.870	23.838.362.844	728.719.359	41.977.199	327.816.376.094
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	3.657.630.847	-	-	3.657.630.847
Thanh lý	(7.324.352.644)	(498.491.026)	(2.497.209.899)	-	-	(10.320.053.569)
Tại ngày 31/12/2024	279.591.512.110	2.374.075.547.766	172.014.622.691	16.428.122.604	262.255.433	2.842.372.060.604
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	562.368.931.910	1.398.499.409.322	77.466.486.071	1.771.542.108	163.049.579	2.040.269.418.990
Tại ngày 31/12/2024	515.764.781.152	1.140.645.882.123	57.560.251.466	1.711.997.749	121.072.380	1.715.803.984.870



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	26.241.620.302	77.616.182.064	103.857.802.366
Thuê trong năm	-	41.493.196.541	41.493.196.541
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(7.790.336.695)	(7.790.336.695)
Tại ngày 31/12/2024	26.241.620.302	111.319.041.910	137.560.662.212
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	1.148.026.725	17.785.763.967	18.933.790.692
Khấu hao trong năm	2.624.162.029	16.282.849.958	18.907.011.987
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(3.657.630.847)	(3.657.630.847)
Tại ngày 31/12/2024	3.772.188.754	30.410.983.078	34.183.171.832
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	25.093.593.577	59.830.418.097	84.924.011.674
Tại ngày 31/12/2024	22.469.431.548	80.908.058.832	103.377.490.380

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	117.526.300.000	20.749.424.227	138.275.724.227
Mua mới	-	3.015.949.500	3.015.949.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	117.526.300.000	23.765.373.727	141.291.673.727
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	15.673.326.727	15.673.326.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	-	16.666.849.461	16.666.849.461
Hao mòn trong năm	-	1.560.162.580	1.560.162.580
Tại ngày 31/12/2024	-	18.227.012.041	18.227.012.041
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	117.526.300.000	4.082.574.766	121.608.874.766
Tại ngày 31/12/2024	117.526.300.000	5.538.361.686	123.064.661.686



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	25.621.793.759	19.985.897.068
TỔNG CỘNG	25.621.793.759	19.985.897.068
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản	35.003.450.421	-
Khác	5.096.780.536	4.024.989.906
TỔNG CỘNG	40.100.230.957	4.024.989.906
TỔNG CỘNG	65.722.024.716	24.010.886.974

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng	7.783.410.052	8.656.315.852
Tổng hợp SBC Miền Trung		
TỔNG CỘNG	7.783.410.052	8.656.315.852

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	125.435.599.670	112.203.718.758
Metal One Corporation	195.390.481.582	-
Jfe Shoji Corporation	241.554.692.470	-
Phải trả cho người bán Khác	558.388.526.415	540.792.914.065
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	712.497.446.510	674.882.836.778
TỔNG CỘNG	1.833.266.746.647	1.327.879.469.601

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	13.664.536.255	1.285.770.543
ST.International Co.,LTD	7.533.595.183	-
P.E. Dives-Plus	6.062.602.320	-
Artsteel Canada Inc	6.260.012.100	-
Người mua trả tiền trước khác	26.846.468.425	63.797.633.955
TỔNG CỘNG	60.367.214.283	65.083.404.498



TÔN DÔNG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2024
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	333.986.699	-	313.999.859	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	184.159.677.855	2.018.857.004.722	1.756.259.923.944	446.756.758.633
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	184.493.664.554	2.018.857.004.722	1.756.573.923.803	446.776.745.473
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.474.220.971	121.022.981.500	19.705.145.796	120.792.056.675
Thuế giá trị gia tăng	7.508.163.929	1.719.459.981.374	1.628.215.544.118	98.752.601.185
Thuế thu nhập cá nhân	5.366.433.166	16.044.453.835	15.697.143.080	5.713.743.921
Thuế nhập khẩu	24.403.314	2.224.482.748	2.110.013.776	138.872.286
Thuế bảo vệ môi trường	32.400.000	324.000.000	291.600.000	64.800.000
Khác	-	136.397.004	136.397.004	-
TỔNG CỘNG	32.405.621.380	1.859.212.296.461	1.666.155.843.774	225.462.074.067

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
UPAS L/C	-	524.591.263.848
Khác	12.427.083.310	4.133.013.319
CỘNG	12.427.083.310	528.724.277.167



TÔN ĐÔNG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG A

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	6.744.616.035.491	5.725.217.239.285
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.211.122.995	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	30.970.932.366	23.124.473.791
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	-	55.685.663.962
CỘNG	6.778.798.090.852	5.804.027.377.038
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	24.083.422.460	-
Nợ thuê tài chính	42.507.412.098	43.737.539.871
CỘNG	66.590.834.558	43.737.539.871
TỔNG CỘNG	6.845.388.925.410	5.847.764.916.909

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.778.798.090.852	126.545.798	5.804.027.377.038	81.810.692
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	3.513.487.754.429		3.735.879.352.837	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	1.559.828.736.875		1.944.663.968.127	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	644.099.775.843		814.370.985.444	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	335.423.335.336		179.258.584.218	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	266.839.530.853		441.231.943.214	
Ngân Hàng United Overseas – CN HCM	31.450.350.589		102.593.316.731	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	498.978.501.282		253.760.555.103	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	176.867.523.651		-	
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	3.231.128.281.062	126.545.798	1.989.337.886.448	81.810.692
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.855.364.430.613	72.647.131	1.331.684.711.515	54.880.633
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	943.249.687.467	36.916.351	103.310.714.136	4.229.712
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi Nhánh Sài Gòn	23.474.224.685	918.721	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	-	-	554.342.460.797	22.700.347
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	409.039.938.297	16.063.595	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	3.211.122.995		-	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	3.211.122.995		-	
Trái phiếu chuyển đổi	-		55.685.663.962	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	30.970.932.366		23.124.473.791	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	17.093.147.382		13.934.007.491	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	7.557.582.984		7.557.582.984	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	6.320.202.000		1.217.050.008	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	-		415.833.308	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	66.590.834.558		43.737.539.871	
Vay dài hạn ngân hàng	24.083.422.460		-	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	24.083.422.460		-	
Nợ thuê tài chính dài hạn	42.507.412.098		43.737.539.871	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	22.688.379.054		26.962.040.517	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	14.150.845.832		3.549.729.158	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.668.187.212		13.225.770.196	
TỔNG	6.845.388.925.410	126.545.798	5.847.764.916.909	81.810.692

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND từ 3,89%/năm đến 6%/năm và bằng USD là từ 3,6%/năm đến 5,6%/năm. Lãi suất vay dài hạn ngân hàng bằng VND là 6,9%/năm. Lãi suất vay công ty thuê tài chính bằng VND là từ 6,2%/năm đến 8,2%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Di An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2024 và	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962
Ngày 31 tháng 12 năm 2024								

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

19.1. Tính hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước							
Tại ngày 01/01/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400	-	3.448.541.652.355
NCI Phát sinh từ mua công ty con	-	-	-	-	-	2.140.575.895	2.140.575.895
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	283.573.126.097	(827.994)	283.572.298.103
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(312.441.993)	-	(312.441.993)
Tại ngày 31/12/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360
Năm nay							
Tại ngày 01/01/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	341.857.982.139	(88.597.738)	341.769.384.401
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(28.674.266.002)	-	(28.674.266.002)
Khác	-	-	-	-	(2.548.980.321)	-	(2.548.980.321)
Tại ngày 31/12/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.826.339.918.320	2.051.150.163	3.815.105.202.438

Đơn vị tính: VND



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu năm	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.146.915.100.000</u>	<u>1.146.915.100.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	31/12/2024 VND Số cổ phiếu	01/01/2024 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.154.277.660.034	17.462.680.329.247
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	19.018.353.898.634	17.377.632.127.895
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	135.923.761.400	85.048.201.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	18.429.005.144	28.102.508.698
Doanh thu thuần	19.135.848.654.890	17.434.577.820.549
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	18.999.924.893.490	17.349.529.619.197
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	135.923.761.400	85.048.201.352

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	218.570.715.191	217.855.527.314
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	217.378.306.250	160.591.134.471
TỔNG CỘNG	435.949.021.441	378.446.661.785

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	17.519.304.200.902	16.279.581.314.294
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	167.446.442.319	25.857.428.842
TỔNG CỘNG	17.686.750.643.221	16.305.438.743.136



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	242.616.957.479	296.649.131.094
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	110.926.019.435	74.637.043.488
TỔNG CỘNG	353.542.976.914	371.286.174.582

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và giao hàng	790.538.867.947	524.385.014.704
Chi phí lương nhân viên	58.752.927.928	54.684.331.111
Chi phí quảng cáo	38.210.543.224	71.579.494.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.242.240.407	105.625.216.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.360.007.081	7.996.184.650
TỔNG CỘNG	1.027.104.586.587	764.270.241.235

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.162.560.156	30.263.529.486
Chi phí nhân viên	53.020.504.610	49.255.970.125
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.772.868.747	8.580.458.964
Dự phòng (hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	5.505.073.160	(25.023.716.928)
TỔNG CỘNG	111.461.006.673	63.076.241.647



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	38.761.593.021	6.851.882.090
Thu nhập từ bán phế liệu	6.796.194.409	5.117.769.848
Thanh lý tài sản cố định	29.914.466.320	428.395.552
Khác	2.050.932.292	1.305.716.690
Chi phí khác	3.629.819.767	9.915.692.482
Chi phí KHTS cố định ngừng sử dụng	1.812.009.579	2.769.254.874
Chi phí thanh lý tài sản cố định	329.959.069	6.312.116.700
Tiền phạt thuế	1.306.418.702	835.538
Khác	181.432.417	833.485.370
Lợi nhuận khác	35.131.773.254	(3.063.810.392)

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	121.336.981.359	22.506.458.379
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(35.036.129.570)	(189.485.140)
Chi phí thuế TNDN	86.300.851.789	22.316.973.239



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	3.683.842.999.589	2.681.391.704.781
		Bán hàng	135.923.761.400	85.048.201.352
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	23.600.000.000
		Lãi vay	-	545.578.082

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	6.427.104.757	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	712.497.446.510	674.882.836.778



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	3.445.400.000	2.319.757.058
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.840.557.564	2.439.040.946
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.249.657.356	1.932.304.970
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.239.244.472	1.929.511.028
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	2.121.487.830	1.864.629.982
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	322.800.000	52.800.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	92.000.000	32.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	100.000.000	50.000.000
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	100.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS từ ngày 23 tháng 06 năm 2023	50.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên BKS từ ngày 23 tháng 06 năm 2023	20.000.000	10.000.000
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS từ ngày 23 tháng 06 năm 2023	20.000.000	10.000.000
Bà Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng BKS đến ngày 23 tháng 06 năm 2023	30.000.000	20.000.000
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên BKS đến ngày 23 tháng 06 năm 2023	10.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên BKS đến ngày 23 tháng 06 năm 2023	5.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG		13.646.147.222	10.755.043.984

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ Song Ngọc